

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhóm dự án phát triển thủy sinh vật
cho mục đích làm cảnh, giải trí giai đoạn 2025-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-BNN-TCTS ngày 07/02/2023 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện “Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Quyết định số 5085/QĐ-BNN-TS ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đề cương chi tiết thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực sản xuất, nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản chủ trì thực hiện năm 2024, giai đoạn 2024-2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhóm dự án “Phát triển thủy sinh vật cho mục đích làm cảnh, giải trí giai đoạn 2025-2030” (Thuộc Mục 2, Phụ lục I, Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được trích từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy sản, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch, Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học Công nghệ;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh/thành phố;
- Các Hội/Hiệp hội lĩnh vực nông nghiệp;
- Lưu: VT, TS.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhóm dự án phát triển thủy sinh vật cho mục đích làm cảnh, giải trí giai đoạn 2025-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TS ngày tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai kịp thời, hiệu quả nhóm dự án phát triển thủy sinh vật cho mục đích làm cảnh, giải trí giai đoạn 2025-2030 để giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, bất cập trong hiện trạng sản xuất, quản lý và thương mại, đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nhanh, toàn diện, bền vững lĩnh vực thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030.

2. Kết quả triển khai Kế hoạch là cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Mục 2, Phụ lục I, Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030.

3. Xác định cụ thể một số dự án, mục tiêu, nội dung, phạm vi, thời gian, sản phẩm dự kiến và trách nhiệm của các đơn vị chủ trì, phối hợp trong việc triển khai thực hiện các dự án.

II. QUAN ĐIỂM

1. Khai thác, sử dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, môi trường, kỹ thuật và thị trường để phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí thành ngành hàng có khối lượng lớn, giá trị cao và đóng góp quan trọng tổng giá trị sản xuất thủy sản.

2. Đầu tư phát triển toàn diện cả động vật và thực vật thủy sinh làm cảnh, giải trí ở các vùng sinh thái mặn, lợ và ngọt và các vùng có điều kiện tự nhiên khác nhau, trong đó chú trọng các loài có giá trị cao, có thị trường xuất khẩu và tiềm năng xuất khẩu.

3. Áp dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến và thân thiện với môi trường vào sản xuất gắn với kiểm soát chặt chẽ an toàn dịch bệnh và an toàn sinh học đối với các loài ngoại nhập, các loài bản địa để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

4. Phát triển sản xuất gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư vào các khâu trong toàn chuỗi giá trị sản phẩm, trong đó lấy doanh nghiệp có năng lực sản xuất quy mô lớn, có thị trường xuất khẩu là đầu tàu, dẫn dắt và thúc đẩy sản xuất.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Việt Nam để phát triển sản xuất thủy sinh vật làm cảnh, giải trí theo hướng đa dạng sản phẩm, chủng loại, tạo ra sản phẩm quy mô hàng hoá đáp ứng nhu cầu của các thị trường trong và ngoài nước, góp phần quan trọng về giá trị cho ngành thủy sản.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giá trị sản xuất của thủy sinh vật làm cảnh giải trí tăng trung bình 9%/năm trong giai đoạn 2025-2030; đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu thủy sinh vật làm cảnh, giải trí đạt trên 40 triệu USD/năm.

- Phát triển được nhiều đối tượng thủy sinh vật cảnh mới, có chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; sinh sản nhân tạo thành công 4-5 loài thủy sinh vật cảnh nước ngọt nhập nội có giá trị cao và 7-10 loài thủy sinh vật cảnh bản địa có nguồn gốc từ biển; phục tráng nguồn giống một số loài thủy sinh vật cảnh nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản xuất.

- Phát triển được hạ tầng, dịch vụ để phát triển nhóm thủy sinh vật làm cảnh đáp ứng khoảng trên 20% nhu cầu sản xuất và thị trường trong nước.

- Xây dựng và ban hành 05 tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về thủy sinh vật cảnh; rà soát, bổ sung và hoàn thiện được chính sách, cơ chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sinh vật làm cảnh, giải trí thống nhất từ trung ương đến địa phương.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý sản xuất, thương mại cá cảnh, thủy sinh vật làm cảnh và giải trí, bao gồm: các quy định về nhập khẩu các loài không trong danh mục, quy định về cơ sở kinh doanh thương mại, quy định về thu dưỡng các loài ngoài tự nhiên, quy định về quản lý dịch bệnh, bảo vệ môi trường, quy định về lưu thông sản phẩm trong nước, quy định về an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, thương mại thủy sinh vật làm cảnh giải trí trên phạm vi cả nước, bao gồm: điều kiện sản xuất, kinh doanh, phòng trị dịch bệnh, thực hiện các quy định về xuất nhập khẩu, khai báo, cập nhật thông tin, sử dụng thuốc, hóa chất, an toàn dịch bệnh.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong chuỗi sản xuất; chính sách phù hợp để thúc đẩy đầu tư từ các thành phần kinh tế phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí (về tín dụng, thuế, đất đai, khoa học không nghệ, đầu tư, phát triển thị trường, đào tạo).

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, bao

gồm: tiêu chuẩn/quy chuẩn về đàn bố mẹ, cơ sở thu gom phục vụ xuất khẩu, vật liệu phục vụ sản xuất; định mức đầu tư khu bảo vệ nguồn cá cảnh tự nhiên...

- Xây dựng, ban hành và áp dụng thực hành quản lý tốt trong phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí. Hàng năm xây dựng ít nhất 03 mô hình /tỉnh đạt quy phạm thực hành quản lý tốt trong sản xuất thân thiện với môi trường và an toàn dịch bệnh đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí về tình hình sản xuất, kinh doanh; danh mục giống, loài mới sinh sản nhân tạo thành công, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, dịch tễ, kiểm soát dịch bệnh, phục vụ quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Phát triển sản xuất, thương mại

- Tập trung chọn lọc, thuần dưỡng và sinh sản nhân tạo một số loài thủy sinh vật cảnh tự nhiên đặc hữu, bản địa dùng làm cảnh, giải trí đặc biệt là các giống loài nước mặn.

- Nghiên cứu về sinh sản nhân tạo một số loài cá cảnh thuộc loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao (Thái Hồ, Sam, Long Gà, Sáu mỏ vịt...); đồng thời nhập nội một số giống cá cảnh mới dùng làm bố mẹ sinh sản để cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất giống một số loài có tiềm năng và giá trị cao như cá cảnh biển, thực vật thủy sinh, san hô,...

- Duy trì, bảo tồn loài thủy sinh vật làm cảnh, giải trí bản địa quý hiếm, có giá trị kinh tế cao để nhân giống và phát triển thành sản phẩm chính cung cấp cho thị trường, góp phần tạo ra các thương hiệu của Việt Nam có uy tín trên thị trường quốc tế.

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ nuôi, phòng trị bệnh và thức ăn, chế phẩm sinh học phù hợp với các loài có tiềm năng và giá trị cao đáp ứng thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua việc tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thi cá cảnh trong và ngoài nước để quảng bá và học tập kinh nghiệm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu cá cảnh, thủy sinh vật cảnh.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Truyền thông, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường đối với cơ sở kinh doanh và người chơi cá cảnh; tác động và ảnh hưởng của việc cho sinh sản nhiều lần, cận huyết, thoái hóa giống, sử dụng thuốc, kháng sinh, ... trong sản xuất và thương mại.

- Tập huấn, phổ biến các văn bản pháp luật về thủy sinh vật làm cảnh giải trí, bao gồm những quy định về danh mục loài được phép kinh doanh, cần kiểm dịch; các quy định, yêu cầu của các thị trường nhập khẩu; hướng dẫn cho người nuôi và sản xuất về kỹ thuật quản lý chăm sóc, phòng trị dịch bệnh, an toàn dịch bệnh của các đối tượng thủy sinh vật làm cảnh, giải trí đối với các thị trường tiêu thụ.

4. Danh mục các Dự án ưu tiên giai đoạn 2025-2030

Nhóm I. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.

Nhóm II. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.

Nhóm III. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.

Tổng kinh phí thực hiện các Dự án ưu tiên trong Kế hoạch: Dự kiến 67,5 tỷ đồng, trong đó Ngân sách nhà nước 50 tỷ đồng và các nguồn vốn khác 17,5 tỷ đồng.

(Chi tiết các dự án tại Phụ lục I và II)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế quản lý và chính sách

- rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thủy sinh vật làm cảnh, giải trí làm cơ sở xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung hoặc huỷ bỏ các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ quản lý. Xây dựng quy định đưa các cơ sở kinh doanh thương mại cá cảnh, thủy sinh vật làm cảnh, giải trí vào cơ sở kinh doanh có điều kiện để quản lý và hỗ trợ phát triển.

- Đối với việc nhập các giống mới (không trong danh mục) phục vụ nghiên cứu, lai tạo và xuất khẩu các giống cá cảnh ngoại lai nhưng không được tiêu thụ ở thị trường trong nước cần được đánh giá tác động và xây dựng cơ chế riêng để nhập nội và kiểm soát chặt chẽ.

- Xây dựng các biểu mẫu thu thập thông tin về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh (xuất, nhập khẩu) thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trên phạm vi cả nước để phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác quản lý.

- Nghiên cứu, đánh giá các quy định hiện có để xây dựng các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nghiên cứu (lai tạo, sinh sản nhân tạo, phòng trị dịch bệnh, hoàn thiện quy trình,...); đầu tư sản xuất, kinh doanh vật tư, dịch vụ phục vụ thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, phù hợp với quy định chung của các nước nhập khẩu.

- Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức nghề nghiệp như Hội, Chi hội thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, trong đó ưu tiên công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, tập huấn kỹ thuật,... Hình thành các tổ hợp tác, làng nghề, hợp tác xã trọng điểm để tổ chức sản xuất và tiêu thụ cá cảnh, thủy sinh vật cảnh hiệu quả, bền vững.

2. Giải pháp khoa học công nghệ

- Xây dựng cơ chế hợp tác, liên kết chặt chẽ với các Viện, Trường cũng như các tổ chức trong và ngoài nước nhằm ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chọn và lai tạo giống mới.

- Vừa tổ chức nghiên cứu, vừa nhập và chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào nghiên cứu lai tạo, chọn giống, phòng trị dịch bệnh đối với các loài thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, đặc biệt là các loài có nguồn gốc từ biển, giá trị cao,...

- Xã hội hóa công tác nghiên cứu, đầu tư phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, gắn với xây dựng các chính sách phù hợp để thu hút đầu tư vào nghiên cứu các giống loài quý hiếm, có giá trị cao.

3. Giải pháp về phát triển thị trường

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiến bộ, nghiên cứu khoa học kỹ thuật về sản phẩm mới ra nước ngoài và ngược lại, cập nhật những giống, loài mới sinh sản nhân tạo thành công, tiến bộ khoa học - kỹ thuật giới thiệu đến người nuôi.

- Tổ chức các hội thi về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trong và ngoài nước nhằm quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Phát triển sản xuất gắn với các khu du lịch, vui chơi, giải trí, thủy cung,... để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

4. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực, thông tin tuyên truyền

- Tổ chức tham quan học tập về kỹ thuật nuôi và lai tạo thủy sinh vật làm cảnh, giải trí ở một số nước trong khu vực (Thái Lan, Singapore, Trung Quốc, Malaysia), đặc biệt đối với các giống loài đang nhập từ các nước này.

- Tập huấn, đào tạo cho đội ngũ lao động trực tiếp sản xuất nhằm nâng cao năng lực, kỹ thuật trong sản xuất giống thủy sinh vật làm cảnh, giải trí; đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, trong đó tập trung vào nghiên cứu về bệnh, chọn lọc, sinh sản nhân tạo, tạo giống mới, quy trình kỹ thuật nuôi,...; tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý thủy sinh vật làm cảnh, giải trí ở Trung ương và địa phương để đáp ứng yêu cầu quản lý (Các kỹ năng phân biệt các giống, loài mới, nhập nội, ngoại lai, ngoại lai xâm hại,...).

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền: tờ rơi, phóng sự, đài, báo, ti vi vừa giới thiệu sản phẩm, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc quản lý,... để mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong nước và xuất khẩu.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới chia sẻ, trao đổi, chuyển giao kinh nghiệm, kỹ thuật, công nghệ; đồng thời quảng bá, giới thiệu sản phẩm của Việt Nam với thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về thị trường, giá cả, nhu cầu về sản phẩm và các quy định xuất nhập khẩu đối với thủy sinh vật làm cảnh, giải trí để thông tin kịp thời cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước.

6. Giải pháp về tài chính

- Kinh phí thực hiện các nhóm dự án trong Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi sự nghiệp) theo phân cấp hiện hành (ngân sách trung ương/ngân sách địa phương), phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; nguồn vốn lồng ghép trong các kế hoạch, dự án khác; nguồn vốn huy động hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; những nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua việc hợp tác phát triển, cơ chế chính sách thu hút nguồn vốn vào phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí tập trung chủ yếu vào công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý nhà nước.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các Dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thủy sản là đơn vị chủ trì quản lý, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, hội ngành có liên quan để triển khai các Dự án phát triển thủy sinh vật cho mục đích làm cảnh, giải trí giai đoạn 2025-2030; báo cáo Bộ trưởng định kỳ hàng năm, 05 năm về kết quả thực hiện.

2. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính căn cứ Kế hoạch này và đề xuất của Cục Thủy sản, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí theo quy định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ và căn cứ Kế hoạch hành động này để xây dựng nội dung, kinh phí chi tiết, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo Bộ (qua Cục Thủy sản) về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp thực hiện, nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ chưa hoàn thành, nêu rõ khó khăn, nguyên nhân và đề xuất phương án thực hiện để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

4. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Cục Thủy sản để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN THỦY SINH VẬT
CHO MỤC ĐÍCH LÀM CẢNH, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TS ngày /02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN DỰ ÁN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ NSNN (Triệu đồng)						
			Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
1	Dự án số hóa thủy sinh vật làm cảnh, giải trí phục vụ quản lý	2025-2027	500	1.500	1.000				3.000
2	Dự án xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật trong thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	2025-2027	500	1.000	500				2.000
3	Dự án đánh giá hiện trạng nghiên cứu, sản xuất và thương mại thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trong nước	2025-2030	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	9.000
4	Dự án xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	2026-2027		2.000	2.000				4.000
5	Dự án lai tạo, nhập nội, sinh sản nhân tạo một và hoàn thiện quy trình một số loài cá cảnh có giá trị cao.	2025-2029	2.000	1.500	1.500	1.500	1.500		8.000

Phụ lục II
KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN NHÓM DỰ ÁN ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN THỦY SINH VẬT
CHO MỤC ĐÍCH LÀM CẢNH, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TS ngày /02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/Thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
Nhóm I	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sinh vật làm cảnh, giải trí								
(1)	Dự án số hóa thủy sinh vật làm cảnh, giải trí phục vụ quản lý	Số hóa, cập nhật thông tin, dữ liệu về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí phục vụ quản lý nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật. - Xây dựng phần mềm quản lý. - Thu thập thông tin, tư liệu thủy sinh vật làm cảnh, giải trí và số hóa lên hệ thống. - Tập huấn, hướng dẫn cán bộ phụ trách. 	2025-2027	Cục Thủy sản	Viện, trường Đại học, Địa phương, Doanh nghiệp, hội xã hội nghề nghiệp	3.000		Hình thành bộ cơ sở dữ liệu số về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí bao gồm có nguồn gốc trong nước và nhập khẩu (nghiên cứu, sản xuất và thương mại)
(2)	Dự án xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật trong	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý, đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với cơ sở sản xuất và thương mại thủy sinh vật làm cảnh, giải trí. 	2025-2027	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Cục Thủy sản, Viện, Trường, Địa phương, doanh nghiệp, hội	2.000		Ban hành 05 Tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở sản xuất, kinh doanh; 01 định mức kinh

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
	thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	tư và phát triển thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong đầu tư thành lập khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sinh vật làm cảnh, giải trí tự nhiên.			xã hội nghề nghiệp			tế kỹ thuật trong đầu tư thành lập khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sinh vật làm cảnh, giải trí tự nhiên
(3)	Dự án đánh giá hiện trạng nghiên cứu, sản xuất và thương mại thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trong nước	Đánh giá được hiện trạng sản nghiên cứu (năng lực, kết quả nghiên cứu,...), hiện trạng sản xuất (số lượng, loại, địa điểm, quy mô, công nghệ); thương mại (xuất, nhập,...) đối với thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.	- Khảo sát, phỏng vấn, đánh giá được hiện trạng nghiên cứu, sản xuất và thương mại thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trên phạm vi cả nước. - Thống kê được các giống loài: ngọt, mặn, lợ (động vật, thực vật) đang lưu hành trên thị trường. - Xác định các giống loài trong danh mục, ngoài danh mục.	2025-2030	Cục Thủy sản	Viện, Trường, địa phương, doanh nghiệp, hội xã hội nghề nghiệp	9.000		- Hiện trạng tổng thể nghiên cứu, sản xuất và thương mại thủy sinh vật làm cảnh, giải trí. - Hình thành tư liệu về các loài thủy sinh vật cảnh. - Xác định được các loài trong và ngoài danh mục

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/ thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
		Xác định được những loài đã chủ động sản xuất nhân tạo, loài nhập nội, giống loài lưu thông trên thị trường nhưng không nằm trong danh mục,.. làm cơ sở đề xuất, điều chỉnh, bổ sung các giống loại vào danh mục được phép sản xuất, thương mại và lưu thông trên thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tác động đối với các loài ngoài danh mục. - Đề xuất cơ chế bổ sung vào danh mục. 						<ul style="list-style-type: none"> đang lưu thông trên thị trường. - Xác định được tác động đến môi trường, nguồn lợi,... của các loài không nằm trong danh mục. - Đề xuất danh sách các loài bổ sung vào danh mục được phép lưu thông trên thị trường
(4)	Dự án xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm thủy sinh	Xây dựng được 3 mô hình liên kết chuỗi đối với 3 đối tượng chính: cá chép Koi (Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các khâu của chuỗi liên kết. - Đánh giá thực trạng mỗi liên kết, những điểm mạnh, điểm yếu. 	2026-2027	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Cục Thủy sản, địa phương, Viện, Doanh nghiệp, hội	4.000	6.000	Xây dựng được 03 mô hình liên kết chuỗi ở Cần Thơ và Hồ Chí Minh, Hải

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
	vật làm cảnh, giải trí	phòng), cá Đĩa ở Cần Thơ và cá 7 màu và cá rồng ở Tp. Hồ Chí Minh	- Xây dựng chuỗi liên kết giá trị sản phẩm và vận hành thử nghiệm. - Đánh giá kết quả, hiệu quả mô hình liên kết			xã hội nghề nghiệp			Phòng, triển khai thực hiện và đánh giá được hiệu quả hoạt động của các chuỗi
Nhóm II	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.								
(5)	Dự án lai tạo, nhập nội, sinh sản nhân tạo một và hoàn thiện quy trình một số loài cá cảnh có giá trị cao.	- Lai tạo và sinh sản nhân tạo thành công 3 loài cá có giá trị cao: cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt để chủ động cung cấp cho thị trường trong nước, hướng đến xuất khẩu. - Hoàn thiện quy trình nuôi 3 loài cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt	- Nghiên cứu lai tạo các loài cá: cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt - Nghiên cứu về dinh dưỡng, kỹ thuật cho đẻ, ấp trứng, chăm sóc cá bột, cá giống. - Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nhân tạo 3 loài cá: Thái Hồ, Sam, Sấu Mỏ vệt.	2026-2029	Các Viện/Trường Đại học/Doanh nghiệp	Cục Thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Hội xã hội nghề nghiệp	8.000	3.000	- Quy trình lai tạo, sinh sản nhân tạo cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt. - Quy trình nuôi cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt. - Chuyển giao thành công quy trình ho 3 cơ sở sản xuất.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/ thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
			<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình nuôi 3 loài cá Thái Hồ, cá Sam, Sấu Mỏ vệt - Chuyển giao quy trình cho 3 cơ sở sản xuất 						
(6)	Dự án chọn lọc, tạo giống một số giống cá cảnh, thủy sinh vật cảnh có tiềm năng phát triển.	Chọn giống được 4 loài cá có sản lượng lớn như Neon, Bảy màu, Hồng kim, Trân châu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập giống chất lượng cao từ các nước. - Lai tạo giữa các dòng có ở các vùng địa lý khác nhau để lựa chọn ưu thế lai. - Chọn tạo ra quần đàn bố mẹ mới có chất lượng cao phục vụ sản xuất. - Chuyển giao cho 03 cơ sở sản xuất. 	2026-2028	Các Viện/Trường Đại học	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Viện, Doanh nghiệp, hội xã hội nghề nghiệp	3.000	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo được quần đàn bố mẹ mới, chất lượng cao của 04 loài phục vụ sản xuất. - Chuyển giao thành công cho 03 cơ sở sản xuất.
(7)	Dự án bảo tồn và nhân giống, sản xuất san hô	Bảo tồn và nhân giống, sản xuất thành công 3	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn vị trí bảo tồn và nhân giống san hô mềm, cứng. 	2026-2030	Các Viện/Trường Đại	Cục Thủy sản, Vụ Kế hoạch, Địa	10.000	3.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được vùng bảo tồn và nhân

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
	thân cứng và mềm.	loài san hô thân mềm và 2 loài san hô cứng phổ biến phục vụ nhu cầu thương mại trong nước và xuất khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập được khu vực bảo tồn san hô (phạm vi, quy chế, cơ chế,... quản lý). - Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ lai tạo, cấy ghép nhân tạo được 03 loài san hô thân mềm và 02 loài san hô thân cứng. - Chuyển giao quy trình công nghệ cho 03 cơ sở sản xuất. 		học/Doanh nghiệp	phương, hội xã hội nghề nghiệp			<p>giống san hô (03 loài san hô thân mềm và 02 loài san hô cứng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình lai tạo, cấy ghép 03 loài san hô thân mềm và 02 loài san hô cứng phổ biến. - Chuyển giao thành công quy trình công nghệ cho 3 cơ sở sản xuất.
(8)	Xây dựng, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ nuôi một số loài cá cảnh biển có giá trị kinh tế	Quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi 4 loài cá khoang cỡ có giá trị kinh tế cao, gồm cá khoang cỡ nemo	- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống cá hề maroon, cá khoang cỡ nemo, cá khoang cỡ cam và cá khoang cỡ đỏ.	2026-2028	Các Viện/Trường Đại học/Doanh nghiệp	Cục Thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Hội	6.000	3.000	Xây dựng được quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi 04 loài cá biển: cá hề maroon, cá

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/ thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
	cao (tập trung vào nhóm cá khoang cổ), định hướng xuất khẩu, tại khu vực Nam Trung bộ.	(<i>Amphiprion ocellaris</i> Cuvier, 1830), cá khoang cổ cam (<i>A. percula</i> Lacepede, 1802), cá khoang cổ đỏ (<i>A. frenatus</i> Brevoort, 1856) và cá hề maroon (<i>Premnas biaculeatus</i> Bloch, 1790) được xây dựng, hoàn thiện và chuyển giao thành công cho các cơ sở sản xuất.	- Xây dựng quy trình nuôi cá hề maroon, cá khoang cổ nemo, cá khoang cổ cam và cá khoang cổ đỏ. - Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cho 3 cơ sở sản xuất.			xã hội nghề nghiệp			khoang cổ nemo, cá khoang cổ cam và cá khoang cổ đỏ. Chuyển giao thành công quy trình công nghệ cho 3 cơ sở sản xuất.
Nhóm III Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sinh vật làm cảnh, giải trí									
(9)	Dự án xây dựng trang	Xây dựng được sản thương mại	- Xác định các đối tượng tham gia, nhu	2026	Cục Thủy sản	Cục Chất lượng, Chế	2.000	500	01 Trang thương mại

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
	thương mại điện tử về thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	điện tử thủy sinh vật làm cảnh, giải trí: vật tư, dịch vụ, chủng loại, số lượng, nguồn gốc xuất xứ,... với các thông tin minh bạch, đầy đủ để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu	cầu tham gia và đăng tải lên trang thương mại điện tử. - Xây dựng phần mềm, cấp quyền truy cập, cung cấp thông tin cho các tổ chức cá nhân đăng ký gian hàng trên trang thương mại điện tử - Thu thập các thông phản hồi của khách hàng để phân loại các nhóm nhà cung cấp.			biển và Phát triển thị trường, Địa phương, Doanh nghiệp, hội xã hội nghề nghiệp			điện tử phục vụ hoạt động thủy sinh vật làm cảnh, giải trí trong nước và xuất khẩu.
(10)	Dự án truyền thông về sản phẩm thủy sinh vật làm cảnh, giải trí	- Các đối tượng có liên quan nắm bắt đầy đủ, kịp thời các quy định của nhà nước, các quy định của nước nhập khẩu về các sản phẩm thủy sinh vật	- Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, VOA...xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian, đối tượng truyền thông. (Các quy định của pháp luật Việt Nam và các nước nhập khẩu; các giống loài,	2026-2030	Cục Thủy sản	Cơ quan truyền thông, Viện, trường, Địa phương, doanh nghiệp, hội xã hội nghề nghiệp	3.000		- Xây dựng 02-03 Clip/phóng sự/bản tin/toạ đàm.../năm. - Xác nhận của đơn vị phối hợp truyền thông (giấy xác nhận phát sóng, ...)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì quản lý/ thực hiện	Đơn vị phối hợp triển khai	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)		Dự kiến sản phẩm
							NSNN	Huy động	
		<p>làm cảnh, giải trí.</p> <p>- Các đối tượng có liên quan được tiếp cận với các thông tin về loại sản phẩm, các dịch vụ, công nghệ,... liên quan đến thủy sinh vật làm cảnh, giải trí.</p>	<p>trang thiết bị vật tư, dịch vụ,... về thủy sinh vật làm cảnh giải trí...)</p> <p>- Xây dựng bản tin, Clip, phóng sự, tọa đàm....</p> <p>- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác truyền thông.</p>						
Tổng kinh phí							50.000	17.500	